

# Nghiên cứu vai trò của từ vựng trong dạy học tiếng Anh chuyên ngành

Nguyễn Văn Anh\*

\*ThS. Bộ môn Ngoại ngữ, Trường Đại học Dược Hà Nội

Received: 28/4/2024; Accepted: 3/5/2024; Published: 11/5/2024

**Abstract:** Fluency in English vocabulary is very important for both learners of English as a second language (ESL) or as a foreign language (EFL) or for those who are aiming to learn English professionally. This article introduces types of vocabulary and how to distinguish vocabulary as a means to raise awareness about the role of vocabulary in teaching English for Specific Purposes. It will show what types of vocabulary should be taught and how a lecturer handles vocabulary in the teaching process. The article also offers specific suggestions and considerations as well as how to deal with vocabulary in contexts.

**Keywords:** English language learning and teaching, vocabulary learning, vocabulary teaching, vocabulary learning strategies, ESP.

## 1. Đặt vấn đề

Từ vựng thường được coi là một trong những yếu tố thiết yếu nhất của ngôn ngữ và đóng vai trò then chốt trong việc xác định liệu học viên có thành công trong việc học một ngôn ngữ và truyền tải thông điệp của mình hay không. Kiến thức sâu rộng về từ vựng đặc biệt quan trọng khi học tiếng Anh chuyên ngành (TACN). Sự thiếu kiến thức về từ vựng nhiều khả năng sẽ dẫn đến những khó khăn trong việc thể hiện bản thân cả trong nói và viết. Để có một cái nhìn bao quát hơn về vấn đề dạy và học từ vựng TACN ở các trường đại học nói chung và Trường Đại học Dược Hà Nội nói riêng, bài viết này tập trung vào một số vấn đề sau: Cách phân loại từ vựng trong TACN như thế nào? Giảng viên (GV) lựa chọn từ vựng như thế nào trong giảng dạy? Phương pháp nào được GV sử dụng trong giảng dạy từ vựng TACN?

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

Dạy từ vựng, đặc biệt là trong các khóa học TACN đang trở thành một thách thức đối với GV tiếng Anh ở các trường đại học và cao đẳng. Từ vựng là một phần không thể tách rời của bất kỳ giáo trình giảng dạy. Điều cần thiết là phải quyết định từ vựng nào sẽ được lựa chọn để giảng dạy, phương pháp và hoạt động nào sẽ được sử dụng để dạy từ vựng đó cho học viên.

Hầu hết những người học ngôn ngữ thứ hai đều nhận thức được rằng việc tiếp thu từ vựng là một thành phần cơ bản và quan trọng trong quá trình học tập của họ. Nắm vững từ vựng tốt là điều cần thiết đối với người học, đặc biệt đối với những người học TACN. Paul Nation mô tả cách người học nên xử

lý các từ vựng cụ thể bằng cách nêu rõ: “Sẽ là khôn ngoan khi hướng việc học từ vựng đến các lĩnh vực chuyên sâu hơn khi người học đã nắm vững 2000-3000 từ hữu ích trong tiếng Anh cơ bản (Nation, 2001:187).”

Để vượt qua những thách thức trong việc sử dụng từ vựng chuyên ngành, người học cần được dạy hoặc tìm hiểu về các loại từ vựng khác nhau. Cách sử dụng và các chiến lược cụ thể sẽ giúp họ tiếp thu từ vựng một cách hiệu quả. Đồng thời, GV cũng cần giúp học viên phân biệt các loại từ vựng và những từ nào đáng chú ý hơn. Do đó GV sẽ cần nhắc xử lý những từ quan trọng nào tại lớp học và từ nào học viên sẽ phải tự học ở nhà. Điều này liên quan trực tiếp đến nội dung giảng dạy và các hoạt động trên lớp mà GV áp dụng.

### 2.2. Các loại từ vựng

Trong dạy và học từ vựng, việc phân biệt các loại từ vựng là rất cần thiết vì các loại từ vựng khác nhau cần có cách xử lý khác nhau. Tùy theo mục tiêu của người học và nội dung khóa học, một số loại từ vựng sẽ được ưu tiên và chú trọng hơn trong dạy và học so với các loại từ vựng khác.

#### 2.2.1. Từ vựng nói và viết

Các nghiên cứu gần đây dựa trên ngữ liệu về từ vựng viết và nói đã cho phép chúng ta nghiên cứu sâu hơn về từ vựng nói và viết trong sử dụng thực tế. Chúng ta dễ dàng nhận thấy có những sự khác biệt giữa từ vựng của văn bản viết và từ vựng của ngôn ngữ nói hàng ngày. Theo Cambridge International Corpus (CIC), (Schmitt và McCarthy, 1997: 24) dữ liệu bằng văn bản chủ yếu được tạo thành từ từ vựng, từ phi từ vựng, tức là các từ không bao hàm nội dung,

bao gồm đại từ, giới từ và liên từ. Trong các văn bản đối thoại và đàm phán ngôn ngữ có sự lặp lại từ vựng xảy ra thường xuyên hơn so với văn bản viết. Các văn bản nói có xu hướng mơ hồ và các từ chung chung thường được sử dụng trong lời nói hàng ngày hơn là trong các văn bản viết. Những khác biệt này rất có ý nghĩa khi chúng ta xem xét loại từ vựng nào là quan trọng để dạy cả viết và nói.

### 2.2.2. Từ vựng phổ biến và không phổ biến

Từ vựng phổ biến đề cập đến những từ xuất hiện thường xuyên hơn các từ khác. Theo Mc Carthy (1990), mọi người thích sử dụng những từ như vậy vì chúng có ý nghĩa phổ biến. Những từ này được cho là 'phổ biến' vì chúng dễ tìm từ trái nghĩa. Ngoài ra, chúng trung tính về mặt hình thức và có thể sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau. Hơn nữa, những từ phổ biến này có thể được sử dụng để diễn giải hoặc đưa ra định nghĩa của các từ khác. Ví dụ, trong bài tập 41, (McCarthy, 1990), ông đã yêu cầu: "Hãy chọn từ nào là từ phổ biến trong tập hợp các từ: *slim, slender, thin, emaciated, and scrawny*". Với đặc điểm của từ 'phổ biến', chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy từ '*thin*' là từ phổ biến hơn cả.

Trong việc giảng dạy TACN(ESP), chúng ta cũng bắt gặp từ vựng dành riêng cho từng lĩnh vực y dược, du lịch, kinh tế... Người học với các chuyên ngành y dược cần tiếp thu số lượng từ vựng nhất định thuộc lĩnh vực này, ví dụ từ '*giả dược*' và '*lọc máu*'. Tuy nhiên, những người học khác không liên quan đến lĩnh vực y dược có thể không nhất thiết phải học những từ này.

### 2.2.3. Từ vựng chuyên ngành, bán chuyên ngành và cơ bản

Khi dạy từ vựng trong ngữ cảnh chuyên ngành, điều quan trọng là phải phân biệt giữa hai loại từ vựng: từ chuyên ngành và bán chuyên ngành vì chúng có tầm quan trọng lớn đối với người học học tiếng Anh cho các chuyên ngành cụ thể và học thuật. Dudley-Evans và St John (1998:83) đề xuất giải quyết các phạm trù chồng chéo (Baker, 1988:91) thành hai nhóm rộng hơn:

a) Từ vựng được sử dụng trong tiếng Anh cơ bản nhưng có tần suất xuất hiện nhiều trong các mô tả và thảo luận của lĩnh vực chuyên ngành.

b) Từ vựng có nghĩa chuyên biệt và hạn chế trong một số môn học nhất định và có thể khác nhau về nghĩa giữa các môn học.

Nhóm đầu tiên nên được gọi là từ vựng bán chuyên ngành và nhóm thứ hai sẽ được coi là từ vựng chuyên ngành. Chúng ta có thể kiểm tra văn bản sau

đây về một thí nghiệm dược phẩm để minh họa sự khác biệt giữa hai nhóm trên:

*We report a double blind, placebo controlled, crossover trial of an angiotensin converting enzyme inhibitor, enalapril, in patients with chronic fluid overload receiving dialysis. We used a crossover study and carried out procedures within the study according to the standard of ethics committee of this hospital, Each patient was given either enalapril or placebo in the first period of treatment and the alternative treatment in the second period; the order in which treatment was given was randomized, 13 patients receiving enalapril and 12 placebos first. Randomization was carried out by suppliers of the drug. (Ferguson. G. 2002)*

Các từ vựng chuyên ngành: *angiotensin, enzyme, inhibitor, enalapril, chronic, dialysis, and placebo.*

Các từ vựng bán chuyên ngành: *blind, control, crossover, trial, convert, fluid, overload, receive, study, carry out, procedure, standard period treatment, randomize, randomization, supplier and drug.*

### 2.3. Sự lựa chọn từ vựng trong giảng dạy TACN

Theo Hutchinson và Waters, (1987) TACN (ESP) nên được coi là một cách tiếp cận để giảng dạy ngôn ngữ theo định hướng chuyên ngành. Người học sẽ tham dự một chương trình học thuật bằng tiếng Anh tập trung vào từ vựng chuyên ngành (Barber, 1962) và 'từ vựng bán chuyên ngành' (Farrell, 1990), bởi vì họ cần đọc tài liệu nghiên cứu trong một lĩnh vực chuyên ngành cụ thể, nghe giáo viên giảng bài, viết bài báo chuyên ngành và thảo luận hoặc thuyết trình ý tưởng hoặc nghiên cứu của riêng mình.

Theo Dudley-Evans và St. John (1998: 83), "từ vựng bán chuyên ngành" không chỉ được sử dụng trong các ngữ cảnh cuộc sống nói chung mà còn có tần suất xuất hiện cao hơn trong các tài liệu và thảo luận khoa về lĩnh vực chuyên ngành cụ thể. Do vậy một GV giảng dạy TACN giỏi phải dạy cho người học những từ vựng cơ bản có tần suất xuất hiện nhiều hơn trong một lĩnh vực khoa học, chẳng hạn như:

- Học thuật: *trial, study, standard, ethics, period and order*

- Khối ngành y tế: *overload, procedure, chronic, treatment, fluid and drug*

- Động từ hay sử dụng: *report, control, convert, receive, give, and randomize*

- Ngôn ngữ thường dùng: *carry out*

### 2.4. Phương pháp giảng dạy từ vựng TACN

GV dạy TACN cần kết hợp từ vựng chuyên ngành vào giáo trình hoặc bài học ở mức độ nào đó. Một từ

chuyên ngành là một từ cụ thể thuộc một lĩnh vực chuyên ngành cụ thể. Những từ này có thể được học và hiểu đầy đủ bằng cách nghiên cứu sâu về lĩnh vực đó. Chúng ta có thể thấy được điều đó thông qua các ví dụ trong văn bản đã cho.

Từ chuyên ngành như: *enzyme, dialysis and placebo* là những từ chuyên sâu trong lĩnh vực y học, những từ vựng này khá là quen thuộc với sinh viên (SV) thuộc ngành này. Ngoài ra, có những từ chuyên ngành khá phổ biến với người học vì những từ này được biết đến rộng rãi, thậm chí trên phạm vi quốc tế. Tuy nhiên với các thuật ngữ như là *enalapril hay angiotensin* thì GV dạy TACN không cần thiết phải đi sâu. Khi xử lý các từ chuyên môn, GV cần cân nhắc việc tích hợp hay bỏ qua các từ này tùy theo nhu cầu và mục đích của người học.

#### 2.4.1. Vai trò của GV

Mặc dù có rất nhiều ý kiến liệu GV dạy TACN có đảm nhiệm được việc dạy từ vựng chuyên ngành cho SV không thì câu trả lời là có vì những lý do sau. Thứ nhất, họ là GV về ngôn ngữ nên họ có thể giúp SV phân tích từ vựng, chức năng từ vựng, ngữ cảnh để giúp SV dễ dàng tìm được ngữ nghĩa phù hợp trong ngữ cảnh đó. GV sẽ giúp SV học cách đoán từ qua ngữ cảnh thông qua ngữ pháp và các từ xung quanh nó. Trong trường hợp SV gặp tài liệu có chứa nhiều từ mới thuộc lĩnh vực chuyên ngành GV cần giúp người học xác định những từ nào đáng để tập trung và từ nào có thể bỏ qua. Thứ hai, khi thực hiện các bài tập về TACN, sẽ rất hiệu quả nếu khai thác một ngữ cảnh cụ thể với một số từ vựng chuyên ngành nhất định. Thứ ba, GV có thể giúp người học khi họ cảm thấy hơi khó hiểu những từ cơ bản được sử dụng như từ chuyên ngành trong một số ngữ cảnh. Thứ tư, nếu một từ chuyên ngành không được sử dụng theo cách giống như trong ngôn ngữ mẹ đẻ của học viên, GV sẽ phải đưa ra một số giải thích và giới thiệu về từ vựng sẽ học. Thứ năm, GV nên kiểm tra xem người học đã hiểu hết thuật ngữ chưa và cung cấp cho họ những hướng dẫn trong việc sử dụng từ điển hoặc nguồn tài liệu chuyên ngành. Cuối cùng, khó khăn trong việc phát âm một số từ chuyên ngành có thể dẫn đến việc ghi nhớ từ kém. GV có thể hỗ trợ người học bằng cách giúp họ cải thiện cách phát âm cơ bản, nâng cao nhận thức về các âm tiết trong từ và cách đọc ở dạng bảng chữ cái ngữ âm quốc tế.

2.4.2. Chọn từ vựng phù hợp để giảng dạy. Khi chuẩn bị phần từ vựng của một khóa học ngôn ngữ, điều quan trọng là GV phải có những từ cơ bản để tham khảo và họ nên đánh giá xem một từ cụ thể

có đủ quan trọng để được chú ý hay không. Việc sử dụng danh sách từ làm nguồn học từ vựng chính rất thuận lợi trong việc dạy và học từ vựng tiếng Anh (Nation, 2001).

2.4.3. Nhận thức về các tiêu chí trong tuyển chọn. Các chuyên gia khuyên rằng GV nên tham khảo danh sách từ vựng khi GV chuẩn bị cho một chương trình giảng dạy từ vựng. Tuy nhiên, việc sử dụng danh sách từ trong lớp một cách máy móc có thể làm giảm hứng thú đối với một số học viên. Cần lưu ý một số tiêu chí để lựa chọn từ vựng phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng học viên.

Danh sách từ phải chứa các từ đại diện cho các loại từ thuộc các lĩnh vực chuyên ngành. Sự xuất hiện của một từ trong nhiều loại văn bản sẽ có lợi cho những người học chuyên về các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau. Ngoài ra, cần đặc biệt chú ý đến một số từ vựng có nhiều đơn vị ghép lại mà nghĩa của chúng không thể suy ra từ nghĩa của từng từ riêng lẻ, Ví dụ: *so far, good night, all right, etc.* Chúng nên được coi là một cụm từ cố định.

### 3. Kết luận

Phương pháp phù hợp sẽ thúc đẩy việc học từ vựng cho người học. Người học có thể tiếp xúc với từ vựng trong các ngữ cảnh thực tế với nhiều khía cạnh khác nhau, làm quen với một từ bao gồm từ ghép, ngữ pháp, từ cùng gốc, nghĩa liên quan và từ đồng âm. Để đạt được hiệu quả trong dạy và học từ vựng trong TACN thì cần có sự sáng tạo trong giảng dạy của GV và sự chăm chỉ của người học. Với sự phối hợp tốt trong dạy và học thì sau một khóa học TACN SV có thể biết cách khai thác từ vựng để hiểu được nội dung chuyên môn khi tự mình đọc các tài liệu chuyên sâu.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Baker, M. (1988) Sub-technical vocabulary and the ESP teacher: an analysis of some rhetorical items in medical journal articles. *Reading in a Foreign Language*, 4: 91-105
- [2]. Barber, C. L. (1962) 'Some measurable characteristics of modern scientific prose' In *contribution to English syntax and philology* (21—43 ) Goteburg: Acta 169 The Role of Vocabulary for ESP Universitatis Gothoburgensis.
- [3]. Bauer, L. and Nation, P. (1993) Word Families. *International Journal of Lexicography*, 6. 253-279.
- [4]. Carter, R. & McCarthy, M. (1988) *Vocabulary and Language Teaching*. London and New York: Longman